

Bản án số: 282/2020/HS-PT
Ngày 28 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Th phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trí

Bà Trần Thị Huyền Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự P thẩm thụ lý số 702/2019/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Hữu H và các bị cáo khác; do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu H, đại diện người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 361/2019/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo:

1. **Nguyễn Hữu H** (tên gọi khác: Không); sinh ngày 19 tháng 5 năm 1982 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKTT: 17/18 ĐHT 17, tổ 8, khu phố 5, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Nguyễn Hữu K và bà Lê Thị L; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/7/2017; có mặt.

2. **Nguyễn Hồng Ph** (tên gọi khác: Diêu A); sinh ngày 18 tháng 6 năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKTT: số 2/5 ấp 4, xã Đ, huyện Hóc M, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Thanh Ph và bà Nguyễn Ngọc Đ; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/7/2017; có mặt.

3. Phạm Thái Văn T (tên gọi khác: L); sinh ngày 19 tháng 6 năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKTT: 567/65/23 tổ 58, khu phố 7, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Thợ sơn nước; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Nguyễn Văn L và bà Thái Thị Yến H; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/02/2012 Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/7/2017; có mặt.

4. Hoàng Văn H (tên gọi khác: Không); sinh ngày 02 tháng 11 năm 1979 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKTT: 38A đường TL29, tổ 11, khu phố 1, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh vật liệu xây dựng; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Hoàng Ngọc L và bà Trần Thị D; có vợ và 03 con, lớn nhất sinh năm 2001 nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/7/2017; có mặt.

5. Phạm Duy C (tên gọi khác: Phạm Duy Tr); sinh ngày 11 tháng 02 năm 1986 tại tỉnh H Yên; nơi ĐKTT: 136/21/1 đường TCH10, khu phố 9, phường T, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Phạm Duy N và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Đức B; (đã chết)

Đại diện hợp pháp của bị hại Ông Nguyễn Đức B:

1. Bà Nguyễn Thị T (mẹ ruột của bị hại)

Địa chỉ: Ấp Ngọc T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

2. Bà Lâm Thị Bích T (vợ của bị hại)

Địa chỉ: Số 280/80/29A ấp 2, tổ 19, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị hại: Ông Phạm Duy Th; (đã chết)

Đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm Duy Th:

1. Ông Phạm Duy N và bà Nguyễn Thị Đ (cha mẹ ruột của bị hại). Địa chỉ: Số 136/21/1 đường TCH10, khu phố 9, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Bà Đỗ Thị Huỳnh G (vợ của bị hại). Địa chỉ: số 129 đường TCH10, khu phố 9, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Bà Huỳnh Thị Thái T và ông Nguyễn Hữu X. Địa chỉ: Số 33/6/4 khu phố 2, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng

1. Ông Nguyễn Hữu X. Địa chỉ: Số 33/6/4 khu phố 2, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Kim H. Địa chỉ: Số 13/3 đường TA 16, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3. Ông Trần Quốc K. Địa chỉ: Số 41/22 T, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

4. Ông Dương Tấn L. Địa chỉ: 41/22, tổ 27, ấp 5, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

5. Ông Huỳnh Vũ L. Địa chỉ: Ấp 6, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

6. Ông Lê Văn K. Địa chỉ: Số 92/4 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Phạm Hồng Ph. Địa chỉ: Nhà trọ không số, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

8. Ông Trần Trọng Tr. Địa chỉ: Số 57/4 N, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

9. Cháu Phạm Duy T, sinh năm 2005

10. Cháu Phạm Ngọc N, sinh năm 2006

Người đại diện hợp pháp của trẻ T và trẻ N: Bà Đỗ Thị Huỳnh G (mẹ ruột); có mặt. Địa chỉ: số 129 đường T, khu phố 9, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

11. Cháu Nguyễn Ngọc B, sinh năm 2006

12. Cháu Nguyễn Đức Th Đ, sinh năm 2012

Người đại diện hợp pháp của cháu B và cháu Đ: Bà Lâm Thị Bích T (mẹ ruột). Địa chỉ: Số 280/80/29A ấp 2, tổ 19, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

13. Ông Lều Ngọc H. Địa chỉ: Số 67 khu phố 4, tổ 46, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Phạm Duy Th và Nguyễn Đức B: Luật sư Nguyễn Hoài N, C ty Luật TNHH Châu Đại Dương; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Duy C: Luật sư Cao Thế L, C ty Luật TNHH K, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu H: Luật sư Lê Thanh T, C ty Luật TNHH MTV T, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng Ph và bị cáo Phạm Thái Văn T: Luật sư Trịnh Bá T, Văn phòng Luật sư Trịnh Bá T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn H: Luật sư Nguyễn Ngọc L, Văn phòng Luật sư C Anh – CN1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quán karaoke K do bà Huỳnh Thị Thái T đứng tên giấy phép kinh doanh và ông Nguyễn Hữu X (là chồng của bà T) quản lý điều hành. Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 21/7/2017, Phạm Duy C gọi điện thoại cho ông X đặt phòng hát karaoke. Khoảng 16 giờ cùng ngày, C cùng Nguyễn Đức B, Phạm Duy T, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Hoàng L, Phan Văn Tr, Phạm Như Q và Bùi Quang T đến quán, được nhân viên đưa vào phòng số 10 trên lầu 1. Một lúc sau, C yêu cầu có nhân viên nữ vào phòng để phục vụ ca hát và rót bia, C nói với nhân viên phục vụ kêu X lên phòng gặp C nH X không lên, C lớn tiếng với nhân viên của quán gây mất trật tự. Nghe nhân viên nói lại sự việc C đến quán la, chửi nhân viên, X gọi điện thoại cho Lều Ngọc H (bạn thân của C và cũng quen với X) nói về chuyện C đến quán Karaoke quậy phá để Hà gọi điện thoại khuyên can C. Sau đó, X lên xe ô tô về nhà tại số 33/6/4 khu phố 2, phường T, Quận 12 lấy giấy tờ nhà, đất và hẹn với Hoàng Văn H đến quán karaoke gặp X để bàn về việc tìm mặt bằng mở thêm quán karaoke mới. Cùng lúc này, X gọi điện thoại cho Phạm Thái Văn T, nói cho T biết việc C đến quậy phá và nhờ T đến nói giúp, T đồng ý, T điện thoại rủ bạn là Huỳnh Vũ L cùng đến quán karaoke K, cả hai đi đến quán karaoke vào phòng điều hành ngồi chờ X về.

Đến khoảng 16 giờ 20 phút cùng ngày, không thấy có nhân viên nữ nào lên phòng phục vụ nên C có nói lớn tiếng với các nhân viên, nhóm bạn của C đã làm bể tám kính cường lực của sàn nhảy và đập bể 01 ly thủy tinh uống bia trong phòng karaoke số 10. Tiếp đó, C đi ra ngoài phòng dùng chân đá thùng gạt tàn thuốc xuống nền gạch làm hư hỏng. Cùng lúc này Phạm Duy T đang cầm micro không dây đứng ngay cửa phòng, C giật lấy micro đập xuống nền nhà. Trần Thị Kim Hằng là quản lý nhân viên nữ, Nguyễn Hồng Ph là nhân viên bảo vệ và Trần Quốc Khải là nhân viên lễ tân của quán karaoke đi đến mời nhóm của C vào phòng số 10 và đưa 04 tiếp viên nữ lên phục vụ.

Lúc này, Nguyễn Hữu H (em ruột của X) ngồi ở quầy tiếp tân nghe nhân viên báo lại sự việc C đã đập phá đồ đạc của quán Karaoke. H kêu P vào phòng nhân viên lấy dao tự chế để sẵn ở các chậu cây trong quán, khi nào nhóm của C

tiếp tục quấy phá và đánh nhân viên thì chống trả. P đi vào phòng nhân viên lấy ra một con dao tự chế dài 78,5 cm để trên chậu cây bên hông trước sân quán. Trong lúc ngồi trong phòng điều hành, T gọi điện thoại cho Đám (không rõ lai lịch) để hỏi nơi cất giấu súng, dao trong quán karaoke, Đám chỉ cho T biết nơi cất giấu khẩu súng ngắn bắn đạn bi và cây dũ 03 khúc ở phía trong ghế salon, sát vách tường của phòng điều hành, T lấy khẩu súng ngắn bắn đạn bi và cây dũ 3 khúc cất trong giỏ xách đeo trên người. T thấy ở gần cửa ra vào phòng điều hành có một con dao tự chế dài khoảng 129,5 cm nên lấy đem ra giấu ở bồn cây tại khu vực hành lang kế bãi giữ xe của quán karaoke.

Đến khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, H đi trước, T và Linh đi theo sau cùng đi lên lầu 1 đến trước phòng vệ sinh gần phòng số 10 thì gặp C, Th và B đang đứng trước phòng số 10. H nói chuyện với C và Th vì sao C đập phá tài sản của quán, C bấm số điện thoại di động gọi cho X và đưa vào tai bắt H nghe, H không nghe thì bị C dùng tay phải đấm mạnh vào mặt của H. Ngay lúc này Trần Quốc Kh là nhân viên quán karaoke từ dưới quầy đi lên đứng đối diện Th thì bị Th dùng tay nắm tóc và đấm vào đầu của Kh làm cho đầu của Kh đập vào tường. Thấy vậy, H lùi lại phía sau chụp lấy 1 con dao loại dao Thái Lan, lưỡi dao bằng kim loại để trên kệ đựng ly cách phòng vệ sinh 2,35 mét, H cầm dao đánh nhau với C. T rút khẩu súng ngắn bắn đạn bi trong giỏ xách ra cầm chĩa hướng về nhóm của C và bóp cò 02 lần nH súng không nổ. T cất súng vào giỏ, lấy cây dũ 03 khúc giơ lên đánh từ trên xuống về hướng Th nH Th lùi lại, né tránh được. Thấy H cầm dao, T cầm súng và cây dũ nên C chạy đến lấy ghế đôn ở hành lang ném trả lại về phía T rồi cùng Th, B bỏ chạy về hướng cầu thang để chạy xuống tầng trệt. H cầm dao, T cầm cây dũ và Khải cầm một cây quạt máy để gần phòng số 10 rượt đuổi theo C, Th và B. Khi B chạy ra đến cầu thang của lầu 1 thì H đuổi theo kịp từ phía sau H cầm dao bằng tay phải chém 01 nhát trúng vào tay phải của B.

Ngay lúc này Nguyễn Hồng Ph nghe xảy ra đánh nhau nên kêu Lê Minh C, Nguyễn Thanh P là nhân viên bảo vệ đóng cửa cổng quán karaoke K lại. P chạy đến chậu cây lấy con dao phảng dài khoảng 129,5 cm chạy đến chân cầu thang gần quầy lễ tân đứng phục sẵn. Khi C vừa từ lầu 1 chạy xuống tầng trệt thì bị P dùng dao chém nH C lùi lại sau rồi khom người xuống nên tránh được. B chạy xuống tầng trệt đến trước quầy tiếp tân thì H đuổi kịp và dùng dao đâm 01 nhát trúng phía sau lưng của B, B vùng bỏ chạy ra trước cửa quán. H quay lại thấy T đang dùng cây dũ 03 khúc đánh Th nên H cầm dao xông vào hỗ trợ đánh Th, Th bỏ chạy và té ngã xuống trước khu vực quầy lễ tân. T cầm cây dũ 03 khúc xông lên đánh 01 đến 02 cái vào người của Th, P xông đến cầm dao chém Th nH Th đỡ được cán dao. H xông đến cầm dao trên tay phải đâm 01 nhát vào lưng của Th, Th vùng bỏ chạy ra ngoài sân, H cầm dao đuổi theo. P không đuổi theo Th mà cầm con dao phảng đuổi theo B và C. Khi đến gần cổng quán, P vung dao chém 01 nhát trúng vào đầu B, P chém nhát thứ 02 thì B né Tránh được và bỏ chạy ra hành lang bên phải ra phía sau của quán đến cầu thang thoát hiểm chạy lên lầu trôn. P quay lại cổng gặp Th và dùng dao chém 01 nhát vào hông của Th, Th năn nỉ thì P cùng một số người mở cổng để Th đi ra ngoài.

Trong khi đó, theo cuộc hẹn với X về mở thêm quán karaoke mới, Hoàng Văn H vừa đi xe ô tô đến đỗ trước quán karaoke K để vào gặp X. Khi nghe nhân viên của quán karaoke báo có đánh nhau trong quán thì H liền chạy đến cốp xe ô tô của H lấy một cây cưa dài khoảng 51,5 cm cầm trên tay. Khi P cùng nhân viên quán mở cửa cổng cho Th đi ra ngoài thì H cũng vừa bước đến cổng gặp Phạm Duy T chạy đến đứng cách H khoảng 0,5 mét, H dùng cây cưa chém 01 nhát trúng đầu Th ở đỉnh phải phía sau, Th quay đầu bỏ chạy ra ngoài cổng thì H đuổi theo cầm cưa chém 03 nhát trúng vai phải và cánh tay phải của Th. Th bỏ chạy ra ngoài khỏi cổng thì H chém thêm 02 nhát vào người của Th. Lúc này, H cầm dao và T cầm cây dũa 03 khúc, P cầm dao phang và Dương Tấn L là nhân viên quán K cầm dao tự chế đuổi theo Th một đoạn ngắn, do không đuổi kịp nên tất cả quay trở vào quán. L cầm con dao xuống bếp để kế bên kệ ly trước cửa phòng điều hành, còn H vút dao ngay bãi đất trống kế bên quán karaoke. Riêng P và T quay vào quán Karaoke, P cầm dao phang và T tay cầm cây dũa 3 khúc chạy đuổi theo C và B đang chạy về hướng cầu thang thoát hiểm của quán. Khi vừa đến cầu thang thoát hiểm, T thấy Huỳnh Vũ L đang cầm một con dao tự chế cán gỗ nên kêu L đưa dao cho T, T đưa lại cây dũa 03 khúc cho L cầm. T đi lên đến lầu 1 thì gặp P và kêu P đổi con dao tự chế này lấy cây dao phang của P rồi cả hai đi tìm C và B. Trong khi đó, B đi cầu thang thoát hiểm đến lầu 2 thì nằm gục tại chiếu nghỉ, còn C bỏ chạy tiếp lên sân thượng. Lúc này, H gặp P và T tại trước phòng số 10 ở tầng 1 đứng nói chuyện thì có Lê Văn K, Nguyễn Phạm Hồng Ph và Trần Trọng Tr đến quán để rủ H đi uống cà phê. Thấy quán có đánh nhau, K lấy 02 cây gậy đánh golf cầm trên tay đi vào trong quán. Khi đến cầu thang lầu 2 K thấy B đang nằm ở cầu thang thoát hiểm ở chiếu nghỉ lầu 2 nên để 02 cây gậy đánh golf kế bên chỗ anh B rồi bỏ đi. Sau đó, Hằng nhật lấy 02 cây đánh golf này để sát vào tường đối diện nhà vệ sinh của tầng 2.

Đến 17 giờ 14 phút cùng ngày, Nguyễn Hữu X được Thọ chở bằng xe ô tô về đến quán karaoke K, X cầm một khẩu súng ngắn, báng bằng gỗ chạy lên lầu 1 đến phòng số 10 thì thấy P, H và H đang đứng trước phòng số 10 nói chuyện. X nhìn vào trong phòng số 10 không thấy C và nghe báo là C bỏ chạy lên sân thượng nên X cầm súng đi về hướng cầu thang thoát hiểm để lên sân thượng, H, H và một số nhân viên (không xác định được) đi theo sau X. Khi lên đến sân thượng, X thấy C đang đứng một mình liền đến hỏi C tại sao đến quán quậy phá và đánh nhân viên quán. H lấy cây gỗ trên sân thượng đập vỡ các ống kính của nung nóng từ năng lượng mặt trời gây tiếng nổ lớn. C nói lời xin lỗi X thì X đồng ý và kêu C cùng xuống để đưa Th, B đi cấp cứu. B và Th được nhân viên quán đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Quận 12, sau đó được chuyển tiếp đến Bệnh viện Quân y 175 quận Gò Vấp nhưng anh B và anh Th đã chết trước khi vào Bệnh viện Quân y 175.

Ngày 22/7/2017, Nguyễn Hồng Ph bị bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp, ngày 25/7/2017 Phạm Thái Văn T đến C an huyện H đầu thú và ngày 26/7/2017, Nguyễn Hữu H, Hoàng Văn H đến cơ quan cảnh sát điều tra C an Thành phố Hồ Chí Minh đầu thú.

Bản kết luận giám định số 680 -17/KLGD – PY ngày 15/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Phạm Duy T chết do sốc mất máu cấp bởi vết thương đâm thủng phổi phải.

Bản kết luận giám định số 681-17/KLGD - PY ngày 15/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Nguyễn Đức B chết do sốc mất máu cấp bởi vết thương đâm thủng phổi phải.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 361/2019/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 93, điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 18 (mười tám) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2017.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 93, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thái Văn T 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2017.

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 93, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Ph 12 (mười hai) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/7/2017.

4. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 02 (hai) năm 02 (hai) tháng 01 (một) ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2017. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả tự do ngay cho bị cáo Hoàng Văn H nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Phạm Duy C 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý các vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 09/10/2019, bị cáo Phạm Duy C có đơn kháng cáo xin được miễn trách nhiệm dân sự; đề nghị làm rõ vai trò của Nguyễn Hữu X trong vụ án; đề nghị xử lý Nguyễn Hữu X và Hoàng Văn H về tội “Giết người”.

Cũng trong ngày 09/10/2019, đại diện người bị hại Bà Lâm Thị Bích T và bà Đỗ Thị Huỳnh G có đơn kháng cáo đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm để làm rõ hành vi và xử lý Nguyễn Hữu X và Hoàng Văn H về tội “Giết người”.

Ngày 10/10/2019, bà Đỗ Thị Huỳnh G có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hồng Ph, Phạm Thái Văn T.

Ngày 11/10/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 53/QĐ-VKS-P2 kháng nghị yêu cầu áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Duy C.

Ngày 14/10/2019, bị cáo Nguyễn Hữu H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; nguyên đơn dân sự bà Huỳnh Thị Thái T kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Phạm Duy C về tội “Hủy hoại tài sản”.

Tại phiên tòa P thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu H, đại diện người bị hại Bà Lâm Thị Bích T, bà Đỗ Thị Huỳnh G giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn dân sự bà Huỳnh Thị Thái T có đơn xét xử vắng mặt cũng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 53/QĐ-VKS-P2 ngày 11/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Đối với kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo C: Xét thấy nguyên nhân chính xảy ra vụ án do bị cáo C là người đến quán karaoke yêu cầu 10 tiếp viên phục vụ nhưng do không được đáp ứng nên đã thể hiện tính hung hãn thực hiện hành vi đập phá tài sản của quán, bị cáo C dùng vũ lực tấn C vào mặt H và nhân viên quán. Là nguồn gốc phát sinh mâu thuẫn nên bị cáo bị xét xử 2 năm cải tạo không giam giữ là không nghiêm, chưa tương xứng với tính chất, côn đồ của bị cáo.

Xét kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại: Đối với kháng cáo yêu cầu xét xử Nguyễn Hữu X, Hoàng Văn H về tội “Giết người”, xét thấy X không tham gia hay chỉ đạo xúi giục các bị cáo đánh C là phù hợp với lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, không đủ cơ sở xử lý X về tội Giết người. Đối với bị cáo H không vào can ngăn mà tấn công Th, bị cáo không có ý thức cướp đi mạng sống của người khác.

Đối với kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của đại diện bị hại bà Đỗ Thị Huỳnh G đối với các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hồng Ph, Phạm Thái Văn T: Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến tính mạng và tài sản của nhiều người, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, gây bất bình trong quần chúng, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo H 18 năm, bị cáo P 12 năm, bị cáo T 12 năm tù là chưa tương xứng với mức độ hành vi bị cáo gây ra.

Xét kháng cáo của nguyên đơn dân sự bà Huỳnh Thị Thái T kháng cáo tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Duy C là vượt quá quyền kháng cáo quy định tại Điều 63 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không được xem xét.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng tăng hình phạt bị cáo C lên 18-24 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”.

Chấp nhận kháng cáo của đại diện người bị hại Đỗ Thị Huỳnh G tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hữu H từ 18 năm lên 20 năm tù, bị cáo Nguyễn Hữu P từ 12 năm lên 13-14 năm tù, bị cáo Phạm Thái Văn T từ 12 năm lên 13-14 năm tù về tội “Giết người”.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Duy C, người đại diện hợp pháp bị hại Lâm Thị Bích Tuyên và Đỗ Thị Huỳnh G về xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Hữu X và yêu cầu xét xử bị cáo Hoàng Văn H về tội “Giết người”.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu H trình bày: Giữ nguyên quan điểm tại sơ thẩm đã ghi nhận. Viện kiểm sát đề nghị tăng hình phạt bị cáo H là chưa thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến vụ án là do bị cáo C. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để tuyên xử bị cáo H một mức án nhất định là phù hợp. Luật sư đề nghị xem xét thêm T tiết điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự phạm tội trong trường hợp bị kích động, do trước đây bị cáo từng bị tai nạn giao thông nên ảnh hưởng về thần kinh và đã được cơ quan giám định tâm thần giám định và kết luận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng Ph và Phạm Thái Văn T: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T và P không có ý định tước đoạt tính mạng của hai bị hại. Những vết thương mà hai bị cáo gây ra không nghiêm trọng gây ảnh hưởng đến việc cướp đoạt mạng sống của bị hại. Do vậy, nên đề nghị không chấp nhận tăng mức hình phạt đối với bị cáo P và T, giữ nguyên mức án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn H: Ghi nhận quan điểm của Viện kiểm sát đã phân tích. Thương tích bị cáo gây ra cho bị hại là 14% và không phải là nguyên nhân gây ra cái chết cho bị hại Th. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của đại diện bị hại, giữ nguyên hình phạt đối với H về tội danh.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Duy C: Viện kiểm sát cho rằng bị cáo C là nguyên nhân chính gây ra sự việc nên đề nghị tăng hình phạt bị cáo C là không đúng. Tòa sơ thẩm gộp tất cả hành vi làm một để đánh giá vụ án là sai bản chất. Ba hành vi là độc lập, tách rời. Đối với hành vi đập phá tài sản đã chấm dứt, sau đó 30 phút sau thì các bị cáo khác mới đi lên lầu. Khi trích xuất camera thấy nhóm C đã thanh toán tiền hát và tiền làm hồng đồ tại quầy thu ngân nên việc khởi tố C đập phá tài sản là không đúng.

Đối với hành vi bị cáo H, T, P các bị cáo đã có sự chuẩn bị đầy đủ trước khi đi lên phòng nói chuyện với C. Tất cả các hung khí đặt sẵn ở đâu, như thế nào. T cho rằng X bảo lên nói chuyện với C do C say xỉn thì sao phải mang côn

đi. Theo lời trình bày của C, C móc điện thoại nói chuyện X không có mục đích kích động đánh nhau. Đối với hành vi ông X bắn bị cáo và tang vật là chiếc áo bị cáo C mặc trong ngày xảy ra vụ án NH cấp sơ thẩm không đánh giá vật chứng này. Trong hồ sơ có xác định ông X đã bắn bị cáo C nhưng không làm rõ. Tại phiên tòa, bị cáo T khai không nhớ ông X gọi điện nói với bị cáo như thế nào như vậy có hay không việc ông X chỉ đạo bị cáo T đến quán chưa được làm rõ? Bị cáo H có mặt ở quán biết rõ quán mình đang bị C quậy phá nhưng bị cáo H trình bày là đến T cờ không biết sự việc nhưng qua camera trích xuất cho thấy bị cáo H đi vào quán sau đó mới đi ra nên nhận định H không biết sự việc là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đánh giá lại chiếc áo bị cáo C đã giao nộp và cơ chế hình Th nên vết thương, làm rõ vai trò của ông X trong việc bắn bị cáo C và trực tiếp kêu người đến quán để giải quyết C. Tại phiên tòa bị cáo C có xuất trình huân chương kháng chiến của ông Phạm Duy Ng là cha bị cáo để xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo C là người lao động chính trong gia đình nên đề nghị không chấp nhận tăng hình phạt đối với bị cáo C.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện bị hại trình bày: Tại các bút lục 276, 278, 281, 301 và bản tự khai của bị cáo T xác định X có hành vi gọi các bị cáo đến để đánh C. Có nhân chứng nghe thấy tiếng súng nổ của ông X bắn bị cáo C NH chưa khám nghiệm hiện trường là bỏ lọt tội phạm.

Đối với hành vi của bị cáo H: Hành vi của bị cáo H là cố ý giết người. Th vừa chạy ra ngoài để thoát thì H chém Th 2 nhát, có rượt chém thêm 3 nhát như vậy là cố T thực hiện hành vi đến cùng. Vũ khí hung khí nguy hiểm có tính sát thương cao, ý thức muốn tước đoạt mạng sống bị hại, hung khí sử dụng đánh vùng trọng yếu cơ thể nên đề nghị xem xét về tội giết người với H. Đối với kháng cáo tăng hình phạt bị cáo T, P, H đồng ý với ý kiến Viện kiểm sát các bị cáo đã xâm phạm tính mạng nhiều người, phạm tội có tổ chức nên đề nghị tăng hình phạt đối với 3 bị cáo trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Vào ngày 21/7/2017, Phạm Duy C cùng với Nguyễn Đức B, Phạm Duy T, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Hoàng L, Phan Văn Tr, Phạm Như Q và Bùi Quang T hát karaoke tại quán K do vợ chồng bà Huỳnh Thị Thái T, ông Nguyễn Hữu X làm chủ, điều hành. Tại đây, C và nhóm bạn có hành vi gây gỗ và đập phá đồ đạc trong quán. Được nhân viên báo sự việc, ông X gọi điện cho Lều Ngọc H (bạn của C) để khuyên C về; sau đó ông X tiếp tục gọi cho Phạm Thái Văn T nhờ T nói C về. T cùng bạn là Huỳnh Vũ L đến quán chờ ông X về.

Lúc này, tại quán karaoke, C tiếp tục có hành vi quậy phá nên Nguyễn Hữu H (em ruột ông X) kêu Nguyễn Hồng Ph (bảo vệ) vào phòng nhân viên lấy dao tự chế chuẩn bị sẵn, khi nào nhóm C tiếp tục quậy phá thì chống trả. T lấy khẩu súng bắn đạn bi và cây dũa 03 khúc được giấu sẵn ở quán karaoke cất vào giỏ xách mang theo người. Sau đó, H cùng T và L đến phòng số 10 tìm gặp C để nói

chuyện thì xảy ra xô xát với Phạm Duy C, Nguyễn Đức B và Phạm Duy T. Khi C, Th, B bỏ chạy thì nhóm của H đuổi theo; H chém 01 nhát vào trũng tay, 01 nhát vào lưng của B; sau đó quay lại hỗ trợ T đánh Th, khi Th té ngã ở quây lể tân thì T cầm dũ 03 khúc đánh 02 nhát vào người Th, H cầm dao đâm 01 nhát vào lưng Th. Nguyễn Hồng Ph nghe đánh nhau thì lấy dao phảng đã chuẩn bị sẵn đuổi theo chém 01 nhát vào đầu B, quay lại gặp Th thì dùng dao chém 01 nhát vào hông của Th. Hoàng Văn H là người có hẹn với ông Nguyễn Hữu X tại quán, thấy có đánh nhau nên H chạy ra ô tô lấy 01 cây cưa dài 51,1cm; thấy Th từ quán chạy ra nên H dùng cưa chém vào đầu Th, Th bỏ chạy thì H đuổi theo và chém thêm 02 nhát vào người Th.

Hậu quả Phạm Trung Th và Nguyễn Đức B chết do sốc mất máu cấp bởi vết thương đâm thủng phổi phải.

Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Hữu H, Phạm Thái Văn T, Nguyễn Hồng Ph phạm tội “Giết người” theo điểm a khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015; Hoàng Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; Phạm Duy C phạm tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu H và kháng cáo đại diện bị hại yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hồng Ph, Phạm Thái Văn T:

Các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hồng Ph, Phạm Thái Văn T đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm tấn C bị hại Phạm Duy T, Nguyễn Đức B dẫn đến tử vong. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại và mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội đã Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, các bị cáo phạm tội do lỗi của người bị hại. Ngoài ra, bị cáo H là người bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi, gia đình có thân nhân là người có C với cách mạng; các bị cáo T và P phạm tội với vai trò giúp sức, các vết tích trên người nạn nhân do các bị cáo gây ra không phải là nguyên nhân chính dẫn đến tử vong. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Hữu H 18 năm tù, Phạm Thái Văn T và Nguyễn Hồng Ph 12 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu H và kháng cáo đại diện bị hại bà Đỗ Thị Huỳnh G yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hồng Ph, Phạm Thái Văn T không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của đại diện bị hại và bị cáo Phạm Duy C yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự của bị cáo Hoàng Văn H và ông Nguyễn Hữu X về tội “Giết người”:

Đối với Hoàng Văn H: Bị cáo đến quán karaoke gặp ông Nguyễn Hữu X để bàn chuyện làm ăn; bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất với các bị cáo khác trong việc tấn C bị hại. Bị cáo không có ý định tước đoạt mạng sống của bị hại. Theo kết luận giám định thì các vết thương do bị cáo gây ra cho bị hại tỷ lệ thương tật 14%. Các văn bản giải thích về nguyên nhân, hậu quả cơ chế hình Th vết thương của bị hại thì nguyên nhân dẫn đến chết người thì phải do hành vi của cáo gây ra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Hữu X: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của các bị cáo tham gia việc tấn C người bị hại đều không thể hiện ông X có chỉ đạo hay liên quan đến vụ án; khi sự việc xảy ra ông X không có mặt tại hiện trường. Bị cáo Phạm Duy C và đại diện bị hại kháng cáo cho rằng cần làm rõ vai trò chủ mưu của ông X nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông X có chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện tội phạm. Do đó, không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Hữu X về tội “Giết người”.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn dân sự bà Huỳnh Thị Thái T yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo C là vượt quá phạm vi kháng cáo nên Hội đồng không xem xét.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tăng hình phạt đối với bị cáo Phạm Duy C:

Phạm Duy C đã có hành vi đập phá thiết bị, đồ đạc trong quán Karaoke K với tổng thiệt hại 2.375.000 đồng nên bị xét xử về tội “Hủy hoại tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, C chính là người dẫn các bị hại đến quán karaoke và tại đây C là người gây sự đối với các nhân viên của quán karaoke, đập phá đồ đạc trong quán dẫn đến mâu thuẫn giữa nhóm của C và nhóm bị cáo H. Chính từ hành vi trái pháp luật của C mà các bị cáo khác đã dùng hung khí chống trả và hậu quả làm 02 nạn nhân tử vong. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm cải tạo không giam giữ là chưa tương xứng với hành vi của bị cáo. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Phạm Duy C có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nguyên đơn dân sự cũng đã có đơn xin bãi nại cho bị cáo trong quá trình xét xử sơ thẩm; anh trai của bị cáo là người bị hại trong cùng vụ án; bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định. Do đó, có căn cứ áp dụng án treo đối với bị cáo, tạo cơ hội cho bị cáo cải tạo trở Th C dân tốt cho xã hội.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu H, Phạm Duy C, đại diện người bị hại Bà Lâm Thị Bích T và Đỗ Thị Huỳnh G; cần chấp nhận kháng nghị của Viện

trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Duy C.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Hữu H và Phạm Duy C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu H, Phạm Duy C, đại diện người bị hại Bà Lâm Thị Bích T và Đỗ Thị Huỳnh G; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 361/2019/HS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Duy C.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu H, Phạm Thái Văn T (Lúa), Nguyễn Hồng Ph (Điều A) phạm tội “Giết người”; Hoàng Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”; Phạm Duy C (Phạm Duy Trung, Trung Râu) phạm tội “Hủy hoại tài sản”

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thái Văn T (Lúa) 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Ph (Điều A) 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/7/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

4. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 02 (hai) năm 02 (hai) tháng 01 (một) ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2017. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và đã được trả tự do ngay tại phiên tòa sơ thẩm

theo Quyết định trả tự do số 1254/2019/HSST-QĐ ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Phạm Duy C (Phạm Duy Tr) 2 năm tù nH cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 4 năm kể từ ngày tuyên án P thẩm.

Giao bị cáo Phạm Duy C (Phạm Duy Tr) cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định.

6. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Các bị cáo Nguyễn Hữu H và Phạm Duy C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự P thẩm.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh;
- C an TP Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam CA TP Hồ Chí Minh;
- (Đề t/đ cho bị cáo) (3);
- Đường sự (4)
- Lưu (3). HS (3). (20b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Duyên

